

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30/5/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** ông Lại Hùng Hưng;

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đinh Văn Lộc;

2. Ông Phạm Văn Miên;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Thôn Cầu V, xã K, huyện Đăk Đ, tỉnh Gia Lai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- ***Bị đơn:*** Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1978; Địa chỉ: tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (là người bị Tòa án tuyên bố mất tích).

**NỘI D VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 07/12/2018, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/02/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà riêng của anh S tại tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Cuộc sống của vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Anh S tham gia tệ nạn cờ bạc, số đề làm khánh kiệt tài sản. Vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn với nhau, nhiều lần xảy ra xô xát nhau. Vì không thể sống chung với nhau được nên chị về sống tại nhà bố mẹ chị từ tháng 4/2014 cho đến nay.

Nguyện vọng của chị D là muốn được ly hôn với anh S. Tuy nhiên, anh S đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng 12/2014 không có tin tức gì. Ngày 05/4/2017, Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định số 02/2017/QĐST-DS Thông báo tìm kiếm anh Hoàng Văn S. Ngày 25/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định số 01/2018/QĐST-DS tuyên bố anh Hoàng Văn S mất tích.

Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn S (là người bị Tòa án tuyên bố mất tích).

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Kim C (nữ), sinh ngày 28/9/2013, hiện đang sống cùng với chị từ khi ly thân anh S đến nay. Chị yêu cầu được nuôi cháu C, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 68 của Bộ luật dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn S. Giao cháu Hoàng Kim C cho chị D nuôi dưỡng. Buộc chị D chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn S và giải quyết nuôi con. Chị D là người có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của chị D thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Anh Hoàng Văn S là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên hồ sơ không có lời khai, ý kiến của anh S. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh S.

[3] Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 26/02/2013. Hôn nhân giữa chị D và anh S là hợp pháp. Anh S đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tuyên bố mất tích và chị D xin ly hôn với anh S. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ nên cần căn cứ Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử cho chị D được ly hôn với anh S.

[4] Chị D và anh S có 01 con chung tên: Hoàng Kim C, sinh ngày 28/9/2013, hiện đang sống cùng với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi cháu C. Xét yêu cầu nuôi con của chị D là có căn cứ. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu C cho chị D nuôi dưỡng. Vì anh S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: buộc chị D chịu 300.000 đồng án phí để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 68 của Bộ luật dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Kim C, sinh ngày 28/9/2013 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Chị D và anh S đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: buộc chị D chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003024 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các vấn đề khác:

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2019), của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

### Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C;
- CC THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Hùng Hưng**